

Bản án số: 161/2024/DS-PT

Ngày 04 - 12 - 2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Giang Thị Cẩm Thúy

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Bửu T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Bửu T:* Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A đường C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T2:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Dương Kim N, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2/ Ông Dương Trí V, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Dương Trí V:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1949. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3/ Bà Dương Kim P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4/ Ông Dương Thanh T3, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5/ Ông Dương Tấn B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm I, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

6/ Bà Dương Thị Ú, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

7/ Bà Dương Thị Quyền T4, sinh năm 1991;

8/ Bà Dương Thị Thảo T5, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo uỷ quyền của chị Dương Thị Quyền T4, chị Dương Thị Thảo T5:* Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A đường C, Khóm G, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

9/ Ông Nguyễn Minh S (Nguyễn Văn S1), sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

10/ Ủy ban nhân dân thị xã G. Địa chỉ trụ sở: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Minh T6, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Đỗ Thanh T7, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã G (vắng mặt có đơn).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Bửu T là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn ông Trần Bửu T và người đại diện theo uỷ quyền của ông T - ông Trần Thanh T1 trình bày: Phần đất tranh chấp là đường dẫn nước do ông Dương Văn S2 (cha của ông T) đào vào năm 1954 để lấy nước và vận chuyển lúa khi thu hoạch. Sau này để lại cho các anh chị em của ông T sử dụng chung làm đường xỏ nước nuôi tôm, đến nay chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh em ông T sử dụng trước năm 1954 đến nay, bà T2 không có sử dụng đường nước. Đầu năm 2023, khi xáng vào mức kênh thì bà T2 cho rằng là đất của bà T2 nên mới xảy ra tranh chấp. Nay ông T yêu cầu bà T2 trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế có diện tích 1.412m<sup>2</sup> (có vị trí theo bảng vẽ hiện trạng ngày 18/01/2024); Yêu cầu tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất trên cho ông T vì gia đình ông T đã sử dụng ổn định và lâu dài từ năm 1954 đến nay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và người đại diện theo ủy quyền của bà T2 – ông Nguyễn Văn Đ: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn M1 cho ông Nguyễn Văn S1. Đến năm 2007, ông Nguyễn Văn S1 chuyển nhượng cho vợ chồng bà (có viết giấy tay), gia đình bà sử dụng từ năm 2007 đến nay. Phần đất tranh chấp có phần đường nước và phần bờ, phần mương nước là dùng để trồng cây lá, bảo vệ bờ bao khỏi sặc lở, cây lá do ông M1 (cha chồng bà T2 trồng). Ông M1 cho cha con của ông T nhờ xỏ nước, đến ông S1 và chồng bà là ông Đ1 cũng cho “đi nhờ”. Bà T2 xác định đang sử dụng đường nước và không đồng ý theo yêu cầu của ông T. Ông S1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1991 nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên cho bà T2.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã G do người đại diện theo ủy quyền - ông Đỗ Thanh T7 trình bày:* Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh S và người đại diện theo ủy quyền của ông S – ông Đ trình bày:* Ông S là anh chồng của bà T2 (anh ruột của ông Đ1), phần đất tranh chấp giữa ông T và bà T2 trước đây là của tôi. Phần đất này ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1991. Vào năm 2007, ông bán cho vợ chồng bà T2 tổng diện tích 8.530m<sup>2</sup>, khi bán có giấy tay, không nhớ là bao nhiêu tiền, ông đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 giữ. Phần đất tranh chấp (đường nước) nằm trong phần đất của ông S đã bán cho vợ chồng bà T2. Đất chưa làm thủ tục chuyển tên cho vợ chồng bà T2 vì nghĩ là anh em nên sau này cần làm thì ông sẽ ký tên cho chuyển đổi. Việc ông T đòi đường nước là không hợp lý vì đất là của tôi bán cho bà T2, ông T không có liên quan đối với phần đất này, việc ông cho ông T xỏ nước nhờ vì nghĩ đến tình nghĩa láng giềng, nay ông T muốn chiếm đoạt đất của bà T2 nên bà T2 không cho ông T xỏ nước nhờ nuôi tôm qua phần đất của gia đình ông nữa. Ông S yêu cầu tòa án bảo vệ quyền lợi của bà T2.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Kim N, ông Dương Chí V1, bà Dương Kim P, ông Dương Thanh T3, Ông Dương Tấn B và bà Dương Thị Ú thống nhất lời trình bày:* vào năm 1997, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có tuyên án là giao đất cho ông Dương Văn S2 là 55 công đất, trong 55 công đất có phần đất đang tranh chấp (đường xỏ nước) giữa ông T và bà T2. Mà đường nước là anh em chúng tôi đang sử dụng chung từ năm 1954. Phần đất tranh chấp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có đi yêu cầu nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tranh chấp với bà A lần thứ 2, sau đó Ủy ban nhân dân xã có đo đạc lại và giải quyết đường nước cho gia đình phía ông T. Hiện nay, anh chị em của ông Trần Bửu T không còn giữ biên bản nào giải quyết của xã đo đạc giao đất nhưng có nghe cán bộ Ủy ban xã T nói là “đất đường nước không có cấp chủ quyền”. Bà T2 mua đất của ông S là không có đo đạc thực tế, đường nước là do anh chị em của ông Trần Bửu T sử dụng từ trước đến nay. Anh chị em của ông Trần Bửu T không làm đơn vì ông T là đại diện gia đình kiện bà T2, yêu cầu tòa án giao đất cho ông T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Thảo T5 và bà Dương Thị Quyền T4 do người đại diện theo uỷ quyền - ông Trần Thanh T1 trình bày:* Cha của bà Dương Thị Thảo T5 và bà Dương Thị Quyền T4 là ông Dương Văn T8, ông T8 được ông S2 chia cho 12 công. Năm 2000, ông T8 chết nên hiện nay do bà Dương Thị Thảo T5 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Dương Thị Quyền T4 là người đang canh tác nuôi tôm, đường nước tranh chấp là đường cấp nước duy nhất cho các hộ phía trong, trong đó có đất của bà Dương Thị Thảo T5. Bà Dương Thị Thảo T5 và bà Dương Thị Quyền T4 yêu cầu bà T2 giao trả quyền sử dụng đất cho ông Trần Bửu T, đất có vị trí và diện tích 1.412m<sup>2</sup>.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bửu T về việc yêu bà Nguyễn Thị T2 trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.412m<sup>2</sup> (có vị trí theo bảng vẽ hiện trạng ngày 18/01/2024) và công nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

2/ Về án phí và chi phí tố tụng phí tố tụng:

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc ông Trần Bửu T phải chịu án phí là 300.000đồng, ông T đã dự nộp tại biên lai thu số 0008166 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

Về chi phí tố tụng phí tố tụng: Ông T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ông Trần Bửu T đã dự nộp tổng chi phí tố tụng số tiền là 6.000.000 đồng. Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thanh lý hợp đồng nghiệm thu bảng vẽ, định giá tài sản là 2.931.361 đồng và đã hoàn lại số tiền còn lại 3.068.639 đồng cho ông T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn ông Trần Bửu T kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, công nhận quyền sử dụng cho ông T đối với phần đất tranh chấp là đường nước có diện tích 1.412m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; Yêu cầu bị đơn phải thu hoạch và di dời toàn bộ cây trồng trên đất để giao trả quyền sử dụng đất cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn do người đại diện theo uỷ quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nguyên đơn cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Dương Văn S2 đứng tên và trích lục bản đồ địa chính tại vị trí đất tranh chấp có đóng dấu của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Bửu T nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã G có đơn yêu cầu vắng mặt; ông Nguyễn Minh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đương sự.

[2] *Xét kháng cáo của yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, công nhận quyền sử dụng cho ông T đối với phần đất tranh chấp là đường nước có diện tích 1.412m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; Yêu cầu bị đơn phải thu hoạch và di dời toàn bộ cây trồng trên đất để giao trả quyền sử dụng đất cho ông T,* Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Bản vẽ mặt bằng khu đất tranh chấp ngày 18/01/2024 (bút lục số 97-99) thể hiện đất tọa lạc tại ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Bửu T, cạnh dài 10m + 18,65m;
- Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị T2, cạnh dài 7,20m.
- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị T2, cạnh dài 8,45m + 5,40m + 16,90m + 10,15m + 164,90m;
- Hướng Bắc giáp đất đường đi của ông Trần Bửu T, cạnh dài 185,15m.

Diện tích đất tranh chấp là 1.412m<sup>2</sup>. Theo bản đồ chính quy (378) là Mương thoát nước, thuộc tờ bản đồ số 41; theo bản đồ không ảnh (299) thuộc thửa 524 tờ bản đồ số 01 đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn S3, số vào sổ 01288, cấp ngày 15/7/1991. Hiện trạng đất tranh chấp hiện nay do

bà Nguyễn Thị T2 đang quản lý, sử dụng trồng lá, ông T lấy nước nuôi tôm. Tài sản trên đất tranh chấp có 13 bụi lá dứa nước, 01 cây đước và 01 cây mắm do bà T2 trồng.

[2.2] Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tranh chấp: Theo nguyên đơn xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Dương Văn S2 (cha của ông T) được ông bà để lại, ông S2 đào làm đường xỏ nước vào năm 1954 để lấy nước và vận chuyển lúa khi thu hoạch. Sau khi ông S2 chết thì để lại cho các anh chị em của nguyên đơn sử dụng chung làm đường xỏ nước nuôi tôm. Quá trình sử dụng thì chưa kê khai và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đầu năm 2023, khi xáng vào mức kênh thì bà T2 cho rằng là đất của bà T2 nên mới xảy ra tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn lại xác định phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn S2 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 04/7/2000 theo Quyết định số 391/UBND ngày 16/7/1991 của Ủy ban nhân dân huyện G, tại thửa 491 tờ bản đồ 01 thể hiện cụ thể là phần kinh trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Văn S2.

Theo bị đơn xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn M1 khai phá, sau đó ông M1 tặng cho ông Nguyễn Văn S1. Ông S1 sử dụng, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1991 tại thửa 524, tờ bản đồ số 1, diện tích 8.530m<sup>2</sup>. Năm 2007, ông Nguyễn Văn S1 chuyển nhượng cho vợ chồng bà T2 (có viết giấy tay chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và gia đình bà đã sử dụng đất ổn định từ năm 2007 đến nay. Phần đất tranh chấp có phần đường nước và phần bờ, phần mương nước là dùng để trồng cây lá, bảo vệ bờ bao khỏi sạt lở, cây lá do ông M1 (cha chồng bà T2 trồng). Ông M1 cho cha con của ông T nhờ xỏ nước, đến ông S1 và chồng bà là ông Đ1 cũng cho “đi nhờ”.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu đo đạc lại phần đất tranh chấp để cơ quan chuyên môn xác định lại vị trí phần đất tranh chấp là của ai, do nguyên đơn không thống nhất với sự xác định của cơ quan chuyên môn thực hiện tại cấp sơ thẩm. Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp Trích lục bản đồ địa chính, lý do nguyên đơn cung cấp trích lục bản đồ địa chính là để làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn cũng xác định bản vẽ mặt bằng khu đất tranh chấp tại cấp sơ thẩm lập ngày 18/01/2024 và trích lục bản đồ địa chính là thống nhất về phần đất tranh chấp. Xét thấy, đối với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/01/2024 được thực hiện tại cấp sơ thẩm, trong quá trình giải quyết các bên đều thống nhất với việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp, không ai có ý kiến, yêu cầu khiếu nại gì, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn chỉ đưa ra được lý do không đồng ý với kết quả trả lời của cơ quan chuyên môn về phần đất tranh chấp cho nên yêu cầu đo đạc lại phần đất tranh chấp của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy là không cần thiết nên không chấp nhận. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp là của ông Dương Văn S2 được ông bà để lại và ông S2 đã đào mương sử dụng làm đường xỏ nước từ năm 1954, ông

S2 tặng cho lại cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh ngoài lời trình bày của nguyên đơn và các anh chị em của nguyên đơn.

[2.4] Xét căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là Bản án dân sự phúc thẩm số 03/DS-PT ngày 25/02/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu; quá trình sử dụng đất từ năm 1954 cho đến nay; Lời khai của những người hiểu biết sự việc như ông Huỳnh Văn T9, ông Nguyễn Văn T10, ông Phạm Văn V2. Nhận thấy, Bản án dân sự phúc thẩm số 03/DS-PT ngày 25/02/1997 là bản án giải quyết về tranh chấp thừa kế giữa bà Trần Thị N1 và ông Dương Văn S2. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xác định phần đất tranh chấp không nằm trong diện tích đất tranh chấp giữa bà N1 và ông S2; nhưng tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn lại xác định phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất tranh chấp giữa bà N1 và ông S2, ông S2 đã được cấp quyền sử dụng đất và phần đất tranh chấp nằm tại phần kinh thuộc thửa 491, tờ bản đồ số 01 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Dương Văn S2 là không có sự thống nhất về lời khai; theo bản vẽ thửa 491, tờ bản đồ số 01 thể hiện trong giấy chứng nhận của ông S2 hướng bắc giáp kênh, trong khi phần đất bà T2 quản lý sử dụng cùng phần đất tranh chấp không giáp với kênh. Nguyên đơn chỉ trình bày mà không đưa ra được căn cứ chứng minh trong khi cơ quan chuyên môn xác định diện tích đất tranh chấp là 1.412m<sup>2</sup>; theo bản đồ chính quy (378) là Mương thoát nước, thuộc tờ bản đồ số 41; theo bản đồ không ảnh (299) thuộc thửa 524 tờ bản đồ số 01 đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn S1, số vào sổ 01288, cấp ngày 15/7/1991 nên không có căn cứ để xem xét chứng cứ này.

[2.5] Xét lời khai của ông Huỳnh Văn T9, ông Nguyễn Văn T10 và ông Phạm Văn V2 (bút lục số 106-108), thể hiện “*chỉ biết ông S2 có sử dụng nhưng không biết đất của ai và ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Lời khai của ông Phạm Văn V2 thì xác định: “*biết đất tranh chấp là của ông S1*”. Mặt khác, tại biên bản hoà giải ngày 18/8/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T (bút lục số 09-12), ông T xác định: “*Phần ranh giới của ông với bà T2 đây là đường kênh công cộng, không phải đất của ông và xác định con kênh xô nước ngang là 6m dùng để xô nước phục vụ công cộng cho những hộ dân sinh sống*”. Như vậy, chính ông T xác định, phần đất tranh chấp là con mương xô nước không phải của ông T. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận diện tích đất 1.142m<sup>2</sup> cho nguyên đơn mà nguyên đơn không có căn cứ chứng minh và cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bửu T; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, tại quyết định của Bản án sơ thẩm không thể hiện vị trí, số đo tứ cạnh phần đất tranh chấp là thiếu sót nên cấp phúc thẩm bổ sung.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Bửu T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bửu T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng khoản 1 điều 27 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

### ***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bửu T về việc yêu bà Nguyễn Thị T2 phải thu hoạch và di dời toàn bộ cây trồng trên đất để giao trả quyền sử dụng đất cho ông T phần đất tọa lạc tại ấp A, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu theo đo đạc thực tế có diện tích 1.412m<sup>2</sup> và công nhận quyền sử dụng đất cho ông T, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Trần Bửu T, cạnh dài 10m + 18,65m;
- Hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Thị T2, cạnh dài 7,20m.
- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị T2, cạnh dài 8,45m + 5,40m + 16,90m + 10,15m + 164,90m;
- Hướng Bắc giáp đất đường đi của ông Trần Bửu T, cạnh dài 185,15m.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Bửu T phải chịu toàn bộ số tiền 2.931.361 đồng và ông T đã dự nộp xong.

### 3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc ông Trần Bửu T phải chịu án phí là 300.000 đồng; ông T đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0008166 ngày 02/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được chuyển thu án phí.

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Bửu T phải chịu 300.000 đồng; ông T đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009085 ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;

**TÒA**

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

## **Giang Thị Cẩm Thúy**